

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị D và  
anh C

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Quân;

Ông Đặng Văn Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 5, (xóm 7 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt, chị Diệu có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Bị đơn:* Anh Trịnh Xuân C, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 2 (xóm Trung cũ), xã X huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

-*Người làm chứng:* Ông Trịnh Bá H, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 2 (xóm Trung cũ), xã X huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2021 lời khai quá trình giải quyết nguyên*

*đơn chị Lê Thị Hồng D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Xuân C tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân T đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Ngoài ra do anh C còn rượu chè không tu chí làm ăn. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đôi bên gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trịnh Xuân C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trịnh Hương G, sinh ngày 27/10/2012, hiện cháu G đang ở với chị, khi ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Trịnh Xuân Cường, anh C đã biết nhưng không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến bằng văn bản của mình đến Tòa án.

Ông Trịnh Bá Hù là bố đẻ của anh Trịnh Xuân C trình bày: Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và anh C đã biết việc chị Lê Thị Hồng D xin ly hôn nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Anh C và chị D tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân T. Sau khi lấy nhau anh C và chị D ở cùng với gia đình ông, vợ chồng mâu thuẫn chính là do anh hay uống rượu không đi làm bỏ bê công việc gia đình. Cách đây mấy tháng anh C và chị D mâu thuẫn căng thẳng chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, gia đình ông đã gặp bố mẹ của chị D hai gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc nhưng chị Diệu không thiết tha với cuộc sống chung của vợ chồng. Về phía gia đình mong muốn anh C và chị D đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái, nếu chị D quyết tâm xin ly hôn anh C thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị D. Về con chung: Anh C và chị D có một con chung là Trịnh Hương G, sinh ngày 27/10/2012, hiện cháu G đang ở với chị D và đang học ở xã X. Trong trường hợp ly hôn thì giao cho D nuôi con và anh C phải cấp dưỡng nuôi con là hợp lý.

Về tài sản: Anh C và chị D không có tài sản chung, không liên quan kinh tế với gia đình ông.

*Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng D và anh Trịnh Xuân C tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2011. Chị D và anh C mâu thuẫn là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra do anh C nghiện rượu không tu chí làm ăn. Tháng 4 năm 2021 chị D đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở

xã Xuân Bắc ở, từ đó chị D và anh C đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Qua ý kiến của chị D cũng như lời trình bày của ông Trịnh Bá H là bố đẻ của anh Cường. Thực tế giữa chị D và anh C không tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị D được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị D và anh C có 1 con chung tên là Trịnh Hương G, sinh ngày 27/10/2012, hiện cháu G đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị D là giáo viên mầm non thu nhập ổn định cũng như nguyện vọng của cháu G xin ở với chị D, mặt khác cháu G lại là con gái. Căn cứ vào thực tế thì nên giao cháu G cho chị D nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản: Chị D và anh C không có tài sản và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng Diệu

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hồng D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Hương G, sinh ngày 27/10/2012. Anh Trịnh Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng D phải nộp án ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra do anh C

nghiện rượu không tu chí làm ăn. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra mặc dù đã được gia đình đôi bên động viên khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4 năm 2021 chị D và anh C đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh C đã biết chị D có đơn xin ly hôn anh, nhưng bản thân anh C cũng không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung vợ chồng, không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án điều đó chứng tỏ cuộc sống chung vợ chồng không còn, tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị D xin ly hôn anh C nên chấp nhận là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị D và anh C có 01 con chung Trịnh Hương Giang, sinh ngày 27/10/2012; hiện con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị D là người có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, có thu nhập ổn định, hơn nữa nguyện vọng của cháu G là xin được ở với chị D. Vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị D tiếp nuôi con và ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Cường phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị D và anh C không có tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Hồng D và anh Trịnh Xuân C

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hồng D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Hương G, sinh ngày 27/10/2012. Anh Trịnh Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng D phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002902 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Diệu đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X 01 bản;
- UBND xã X ; 01 bản ;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phạm Ngọc Long**













